

QUAN HỆ VIỆT NAM – LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU): ĐỐI TÁC BÌNH ĐẲNG, HỢP TÁC TOÀN DIỆN, LÂU DÀI VÌ HOÀ BÌNH VÀ PHÁT TRIỂN

PGS. TS. Đinh Công Tuấn

Viện Nghiên cứu Châu Âu

Lời Tòà soạn: Nhân kỷ niệm 20 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) 28/11/1990-28/11/2010, Bộ Ngoại giao Việt Nam và các bộ, ban, ngành của Việt Nam cùng với Đại sứ EU và Đại sứ các nước thành viên trong EU tại Việt Nam đã tổ chức buổi hội thảo khoa học quốc tế: “Quan hệ Việt Nam – EU: thành tựu và triển vọng” vào ngày 29/11/2010 tại Nhà khách Chính phủ số 12 Ngô Quyền, Hà Nội. Chủ trì Hội thảo gồm có nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên và Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn, ông James Moran – Cục trưởng Cục Châu Á, Tổng Vụ Đối ngoại, Ủy ban Châu Âu, ông Sean Doyle – Đại sứ, Trưởng Phái đoàn EU tại Việt Nam.

I. Đặt vấn đề

Quan hệ đối tác, hợp tác, phát triển đang là xu thế hợp tác tất yếu hiện nay trên thế giới. Chính vì vậy, giữa các nước, các tổ chức quốc tế đang tích cực đẩy mạnh các quan hệ đối tác, hợp tác, bình đẳng, cùng phát triển. Liên minh Châu Âu (EU) là một tổ chức liên kết khu vực lớn nhất trên thế giới, với dân số 501,2 triệu người, diện tích khoảng 4,5 triệu km², gồm 27 nước thành viên, GDP khoảng 18.394 tỷ USD (năm 2008), đứng đầu thế giới, thu nhập đầu người khoảng 37.812 USD/năm (2008) đứng vào các nước hàng đầu thế giới. EU hiện nay đang là thành viên tích cực, đi đầu thế giới trong quá trình nhất thể hoá kinh tế và chính trị, trải qua 60 năm hình thành và phát triển,

hiện nay EU là khu vực có hải quan chung, thuế quan chung, có thị trường chung và đỉnh cao là có Liên minh Kinh tế và Tiền tệ với đồng tiền chung (đồng EURO), EU đã ký kết và đang đàm phán với nhiều nước xây dựng Khu vực Mậu dịch tự do (FTA). Sau nhiều năm đàm phán, ngày 1/12/2009, Hiệp ước Lisbon đã chính thức có hiệu lực, tạo ra một EU thống nhất, hiện đại, dân chủ, hiệu quả. Là một trong 3 trụ cột của nền kinh tế thế giới, một liên minh chính trị có chính sách đối ngoại và an ninh chung, có tiềm lực quân sự tương đối mạnh mẽ, có vị thế ngày càng được nâng cao trên các diễn đàn quốc tế, đã và đang giải quyết các vấn đề toàn cầu, có 2 trên 5 nước thuộc Hội đồng Bảo an Liên

hợp quốc, 4/7 nước G7, EU ngày càng có vị thế kinh tế, chính trị quan trọng trên trường quốc tế.

Việt Nam đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng đồng Châu Âu (EC) vào ngày 28/11/1990, hai bên đã ký kết Hiệp định Hợp tác (Hiệp định Khung) vào ngày 17/7/1995, và ngày 04/10/2010 vừa qua, hai bên đã ký tắt Hiệp định Đối tác và Hợp tác (PCA), chuẩn bị đàm phán để ký kết Hiệp định xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Việt Nam – EU (FTA), tất cả điều đó đã và sẽ mở ra một triển vọng tốt đẹp cho sự hợp tác, đối tác bình đẳng, lâu dài, ổn định vì hoà bình và phát triển giữa hai bên. Bài viết này nhằm đánh giá khái quát quá trình 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - EU.

II. Quá trình hợp tác – phát triển Việt Nam – EU từ năm 1990 đến nay

1. Bối cảnh lịch sử khi hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao (28/11/1990)

Thế giới bước vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX với những thay đổi lớn lao (chúng tôi gọi là bước ngoặt của lịch sử): Đó là sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu; Thế giới kết thúc cuộc Chiến tranh Lạnh với trật tự hai cực đã được ra đời từ sau Thế chiến thứ Hai (1945); Các nước dù lớn, nhỏ đều có những điều chỉnh chiến lược nhằm mục tiêu phát triển kinh tế, chính trị đất nước phù hợp với xu thế hợp tác và phát triển chung của nhân loại.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam những năm 1990 vẫn rơi vào tình trạng rất khó

khăn: *Thứ nhất*: Sau 4 năm đổi mới (1986), mặc dù Việt Nam đã đạt được một số thành tựu bước đầu trong công cuộc đổi mới đất nước, song chúng ta vẫn chưa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội sâu sắc. Các vấn đề đối nội, đặc biệt là đời sống nhân dân rất khó khăn, gian khổ.

Thứ hai: Trong quan hệ quốc tế, Việt Nam vẫn rơi vào tình trạng bị bao vây, cô lập. Mỹ vẫn thi hành chính sách bao vây, cấm vận về kinh tế. Trung Quốc vẫn thi hành các chính sách thù địch chống chúng ta. Các nước ASEAN và một số nước khác chưa có quan hệ bình thường với Việt Nam.

Thứ ba: Liên Xô (đồng minh chiến lược) và các nước XHCN ở Đông Âu ran rã, Việt Nam mất đi chỗ dựa vững chắc cả về chính trị và kinh tế, thị trường truyền thống của Việt Nam bị thu hẹp, nguồn viện trợ cũng không còn nữa.

Trong bối cảnh đó, một mặt Việt Nam đã chủ động điều chỉnh chiến lược, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, hội nhập để phát triển với những chủ trương đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế, thêm bạn bớt thù, tranh thủ mọi nguồn vốn, công nghệ, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý tiên tiến để phát triển đất nước, chủ trương hợp tác bình đẳng, muốn làm bạn với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị khác nhau, trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình... Mặt khác, do sớm nhận thức rõ ràng khu vực Châu Á – Thái Bình Dương là khu vực phát triển kinh tế năng động, có tiềm năng và triển vọng phát triển lớn, hấp

dẫn, các nước trong cộng đồng EC đã rất tích cực mở rộng các hoạt động cả về chính trị, kinh tế với các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam.

Hai tầm nhìn lớn gặp nhau, Việt Nam và EC đã vượt qua được mọi khó khăn thách thức, đã cố gắng lớn, quyết tâm cao, bất chấp những cản trở, thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ vào ngày 28/11/1990. Đây là mốc son quan trọng đánh dấu bước chuyển chiến lược trong quan hệ Việt Nam – EC, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển về chính trị, kinh tế, xã hội... giữa hai bên. Chúng tôi cho rằng, việc thiết lập quan hệ ngoại giao vào lúc đó đã tỏ rõ tầm nhìn chiến lược của EC đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, còn đối với Việt Nam chúng ta, đang trong tình trạng bị bao vây cô lập, thì hành động của EC là một nghĩa cử cao đẹp rất đáng được trân trọng.

2. Quá trình hợp tác phát triển quan hệ Việt Nam – EU từ năm 1990 đến nay

a. Hợp tác chính trị

Sau khi hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao (28/11/1990), cả hai phía Việt Nam – EU đều tỏ rõ thiện chí, quyết tâm cải thiện mối quan hệ hợp tác tốt đẹp này. Hàng loạt các chuyến thăm viếng cấp cao diễn ra với những hiệp định, hợp tác được ký kết về mọi lĩnh vực: chính trị, ngoại giao, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hoá, giáo dục... Tháng 2/1993, Tổng thống Pháp P. Mitterand, vị nguyên thủ đầu tiên của phương Tây đến thăm Việt Nam. Tiếp theo là các chuyến

thăm Việt Nam của Tổng thống Áo Th.Klestin, của Thủ tướng Thụy Điển Carl Bild, của Thủ tướng Hà Lan W. Kok, của công chúa Anh, của Hoàng tử kế vị Bỉ, của Hoàng tử kế vị Luxembourg, của Bộ trưởng Bộ ngoại giao EU... Trong các chuyến thăm Việt Nam, EU đã tiếp tục viện trợ mới, ký kết các hiệp định hợp tác với Việt Nam, cụ thể là:

Thứ nhất: EC viện trợ tài chính 7 triệu USD cho việc đưa lao động Việt Nam tại Irắc trở về Việt Nam vì Irắc đang xảy ra cuộc chiến tranh vùng Vịnh.

Thứ hai: Tháng 12/1990, đại diện Ủy ban EC và chính phủ Việt Nam đã thoả thuận về chương trình giúp người Việt Nam ra đi bất hợp pháp (đi di tản) được phép quay trở về Việt Nam tái hoà nhập, trên nguyên tắc hội hương tự nguyện với 2 nội dung: cho vay tín dụng, đào tạo nghề và xây dựng dự án nhỏ. Chương trình được chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn 1: từ 5/1991 đến 3/1992; Giai đoạn 2: từ 4/1992 đến tháng 11/1994.

Năm 1995, năm kết thúc thắng lợi Kế hoạch 5 năm (1991-1995) của Việt Nam, một năm, theo đánh giá của nhiều học giả trong và ngoài nước, là mốc son lịch sử trong quan hệ ngoại giao của Việt Nam: Việt Nam đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội, năm mà Việt Nam đã làm được 3 việc lớn:

1. Ngày 12/7/1995, Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ;

2. Ngày 17/7/1995, Việt Nam đã ký Hiệp định Khung về hợp tác, thiết lập các nguyên tắc cơ bản nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại giữa Việt Nam với EU;

3. Ngày 28/7/1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của các nước Đông Nam Á (ASEAN).

Rõ ràng, các sự kiện lịch sử trên là những dấu mốc quan trọng đã nâng Việt Nam lên một vị thế mới, đưa đất nước Việt Nam hoà nhập với thế giới, tạo tiền đề cần thiết cho giai đoạn phát triển mới hướng tới thế kỷ XXI. Mục tiêu cơ bản trong quan hệ lâu dài giữa Việt Nam và EU là: Trên đà phát triển tốt đẹp, đẩy mạnh quan hệ hợp tác kinh tế không chỉ về thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển chính thức (ODA) mà còn cả trong đối thoại chính trị. Quyết tâm chính trị cao của hai bên nhằm đưa quan hệ lên một tầm cao mới, biến quan hệ Việt Nam – EU thành “quan hệ đối tác toàn diện và bền vững, trên tinh thần ổn định lâu dài và tin cậy lẫn nhau, vì hoà bình, hợp tác và phát triển phồn vinh trong các thập kỷ của thế kỷ XXI”¹. Từ năm 1995 đến năm 2010, về chính trị, Việt Nam luôn luôn đánh giá cao vị trí chính trị của EU, xem EU là đối tác quan trọng hàng đầu trong hợp tác kinh tế - thương mại, đầu tư, hợp tác phát triển, chuyển giao công nghệ và hội nhập quốc tế. Trong đó, Việt Nam rất chú trọng đẩy mạnh

quan hệ với các thể chế của EU như các Hội đồng, Nghị viện, Ủy ban Châu Âu, cũng như thúc đẩy các quan hệ hợp tác song phương với các nước thành viên lớn như Pháp, Đức, Anh, Italia... và mở rộng, ổn định quan hệ với các nước vốn đã có quan hệ truyền thống như Bắc Âu, Trung, Đông Âu, đặc biệt đẩy mạnh các hoạt động thăm viếng lẫn nhau, ký kết hiệp định giữa các đoàn đại biểu cao cấp của hai bên.

Việt Nam đã ký kết Hiệp định Đối tác chiến lược với Tây Ban Nha, Anh, đã ký thỏa thuận đối tác chiến lược với Hà Lan, đã nhất trí xây dựng quan hệ đối tác vì sự phát triển bền vững với Đức. Trong tương lai, Việt Nam sẽ quyết tâm nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược với nhiều nước trong EU. Do coi trọng và đánh giá cao vai trò và ảnh hưởng của EU, ngày 14/6/2005, Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký Quyết định số 143 “Đề án tổng thể quan hệ Việt Nam – Liên minh Châu Âu và chương trình hành động của chính phủ về phát triển quan hệ Việt Nam – Liên minh Châu Âu đến 2010 và định hướng tới 2015”. Đây là đề án đầu tiên của chính phủ Việt Nam nhằm xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện với các đối tác lớn trên thế giới. Điều này cho thấy EU đã chiếm một vị trí rất quan trọng trong chiến lược đối ngoại của Việt Nam.

Nhìn lại hai mươi năm hợp tác vừa qua, quan hệ hợp tác từ chỗ chủ yếu phía EU hỗ trợ phát triển cho Việt Nam, đã dần dần phát triển sâu sắc mỗi quan hệ hợp tác, đối tác bình đẳng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực

¹ Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Dy Niên, Đặc san Thời báo Kinh tế Sài Gòn 5/5/2005, tr. 44.

chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa, giáo dục, đào tạo, đưa EU trở thành đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Cả hai bên đã không ngừng xây dựng “quan hệ đối tác bình đẳng, toàn diện, lâu dài vì mục tiêu hòa bình và phát triển”. Để đạt được mục tiêu này, cả hai bên đã duy trì cơ chế trao đổi đoàn và tiếp xúc cấp cao, qua chín vòng đàm phán xây dựng Hiệp định Đối tác và Hợp tác (PCA) nhằm tạo ra một khuôn khổ pháp lý cho việc phát triển quan hệ hợp tác sâu rộng, toàn diện, lâu dài, cùng có lợi giữa Việt Nam – EU trong những năm tới. Ngày 4/10/2010 vừa qua, tại Bruccen (Bi), Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng và Chủ tịch Ủy ban Châu Âu Jose Manuel Barroso đã ký tắt Hiệp định Đối tác và Hợp tác (PCA) và nhất trí sẽ khởi động đàm phán Hiệp định Thương mại tự do (FTA) song phương, sau khi hoàn tất công việc của nhóm công tác kỹ thuật, EU sẽ công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường trong thời gian tới.

Về phía EU, trong 20 năm qua đã rất cố gắng xây dựng mối quan hệ hợp tác, phát triển với Việt Nam. EU đã cử nhiều quan chức cấp cao đến Việt Nam và ký kết nhiều hiệp định hợp tác. Trong chiến lược “*Quan hệ đối tác mới với Đông Nam Á*” của EU (tháng 7/2003), EU đã đánh giá cao vai trò, vị trí của Việt Nam trong ASEAN, trong quan hệ EU – ASEAN, trong Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM). EU đã ủng hộ mạnh mẽ Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007, đã mở rộng thị trường cho hàng dệt may Việt

Nam trước khi Việt Nam gia nhập WTO trong khuôn khổ một thỏa thuận “thu hoạch sớm”. Hiện nay có 20 nước trong số 27 nước thành viên Liên minh Châu Âu có đại sứ tại Hà Nội. EU rất tích cực cùng Việt Nam xây dựng Hiệp định Hợp tác (hiệp định khung) được ký kết năm 2005 và Hiệp định Đối tác và Hợp tác (PCA) ký tắt ngày 4/10/2010. EU cũng đang chuẩn bị cùng với Việt Nam khởi động đàm phán xây dựng hiệp định thương mại tự do (FTA)... Hy vọng hợp tác chính trị giữa hai bên sẽ ngày càng phát triển cả chiều rộng và bề sâu trong tương lai.

b. Hợp tác kinh tế

Kể từ khi Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu (EC) thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức (28/11/1990), quan hệ kinh tế giữa hai bên đã không ngừng phát triển. Nhưng nhìn chung trong 5 năm từ 1990 đến trước khi hai bên ký Hiệp định Hợp tác (17/7/1995), quan hệ hợp tác kinh tế còn dừng ở mức khiêm tốn. Hoạt động kinh tế chủ yếu tập trung trong lĩnh vực viện trợ phát triển của EU cho Việt Nam. Ví dụ: Trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Pháp F.Mitterand tháng 2/1993, Pháp quyết định tăng gấp đôi viện trợ năm 1993 so với năm 1992 cho Việt Nam, với tổng số tiền viện trợ là 435 triệu France Pháp.

Còn Bỉ tuyên bố xoá nợ chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi giúp Việt Nam thanh toán nợ thương mại. Đức thì tăng cường viện trợ tài trợ tài chính, kỹ thuật cho Việt Nam năm 1992 là 42 triệu DM (tăng 38%) so với năm

1991. Anh cũng rất quan tâm đến hợp tác kinh tế giúp đỡ vật chất cho Việt Nam. Năm 1993, Anh đã cho Việt Nam vay ưu đãi 50 triệu bảng, thực hiện một số dự án ưu tiên của Việt Nam. Italia nối lại viện trợ cho Việt Nam từ năm 1990, với khối lượng tăng đều hàng năm. Bên cạnh đó phải kể đến các khoản viện trợ to lớn, có hiệu quả của các nước Bắc Âu dành cho Việt Nam như Phần Lan, Thụy Điển, Đan Mạch...

Cùng với các hoạt động viện trợ phát

triển của các nước EC cho Việt Nam, trong **giai đoạn 1990-1995**, quan hệ kinh tế thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và EC đã được tiến hành, nhưng qui mô không lớn, khối lượng hạn chế, kim ngạch nhỏ bé. Trong 5 năm từ 1985 đến 1989, Việt Nam đã xuất khẩu sang EC một khối lượng hàng hoá trị giá 218,2 triệu USD, tập trung vào các thị trường: Pháp chiếm 74,5%, Đức chiếm 10,5%, Bỉ 5,7%, Anh 4,3%, Italia 3,6% và Hà Lan 1,4%.

Bảng 1: Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam sang EU từ năm 1990 đến năm 1995

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU		Kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam		Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu		Trị giá xuất siêu
	Trị giá	Tăng %	Trị giá	Tăng %	Trị giá	Tăng %	Triệu USD
1990	141,6		153,6		295,2		-12
1991	112,2	-20,8%	274,5	87,7%	386,7	31%	-162,3
1992	227,9	103,1%	233,2	-15%	461,1	19,2%	-5,3
1993	216,1	5,2%	419,5	79,9%	635,6	37,8%	-203,4
1994	383,8	77,6%	476,6	13,6%	860,4	34,5%	-92,8
1995	720	87,6%	688,3	44,4%	1.408,3	63,7%	+31,7

Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm Tin học và Thống kê - Tổng cục Hải quan.

Nhận xét

1. Qui mô buôn bán hai bên không ngừng gia tăng, trong vòng 5 năm (1990-1995) đã tăng gấp 6 lần;

2. Trong cán cân thương mại giữa hai bên, Việt Nam luôn nhập siêu trong những năm đầu (1990-1994), duy chỉ có năm 1995, Việt Nam đã xuất siêu 31,7 triệu USD.

Kể từ khi hai bên ký Hiệp định Hợp tác (17/7/1995), Hiệp định đã tạo ra cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác song phương, tạo nên cơ chế trao đổi thường kỳ, là dịp tốt để có thể trao đổi quan điểm, phát triển các chương trình và hoạch định các sáng kiến. Hiệp định là cơ sở cho sự hỗ trợ về phát triển của EC và cho việc thành lập một khuôn khổ cho

hoạt động thương mại song phương trên cơ sở quốc gia được ưu đãi nhất.

Dựa trên nguyên tắc vững chắc đó, quan hệ Việt Nam - EU đã và đang phát triển mạnh mẽ như là một kết quả của những nỗ lực hợp tác của Ủy ban Châu Âu và các nước thành viên trong EU. EU đã và đang trở thành nhà tài trợ lớn nhất về viện trợ phát triển cho Việt Nam, và hỗ trợ cho Việt Nam ở những lĩnh vực và khu vực ưu tiên như phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ quá trình

cải cách kinh tế, xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế thế giới. EU cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường và làm hài hoà các khoản viện trợ dành cho Việt Nam.

Giai đoạn 1995 đến 2010

Riêng trong lĩnh vực thương mại, kể từ khi có Hiệp định Hợp tác (1995), thương mại hai chiều đã tăng lên về qui mô, khối lượng hàng hoá và kim ngạch.

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu Việt Nam - EU từ năm 1996 đến 2004

Năm	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU		Kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam		Kim ngạch nhập khẩu		Trị giá xuất khẩu
	Trị giá	Tăng%	Trị giá	Tăng%	Trị giá	Tăng%	
1996	900,5	25,1	1.134,2	64,8	2.034,7	44,5	-233,7
1997	1608,4	78,6	1324,4	16,8	2.932,8	44,1	284,0
1998	2125,4	32,2	1307,6	-1,3	3.433,4	17,1	818,2
1999	2506,3	17,9	1052,8	-19,5	3.559,1	3,7	1.453,5
2000	2824,4	12,7	1302,6	23,7	4.127,0	15,9	521,8
2001	3002,9	6,3	1527,4	17,2	4.530,3	9,7	1.474,5
2002	3149,9	4,9	1841,1	20,5	4.991,1	10,2	1.308,8
2003	3858,8	22,5	2472,0	34,3	6.330,8	26,8	1.386,8
2004	4962,6	28,7	2509,5	3,5	7.472,1	18	2.453,1

Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm Tin học và Thống kê - Tổng cục Hải quan.

Bảng 3: Số liệu của phía EU về trao đổi thương mại EU - Việt Nam 2001 – 2008
(Đơn vị: tỷ EUR)

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Việt Nam xuất khẩu sang EU	4,7	4,7	4,8	5,3	5,5	6,8	7,5	8,5
EU xuất khẩu sang Việt Nam	1,8	1,9	2,4	2,2	1,9	2,4	3,3	3,3
Thặng dư thương mại của Việt Nam	+2,9	+2,8	+2,4	+3,1	+3,6	+4,4	+4,2	+5,2

Nguồn: Eurostat.

Nhận xét:

1/ Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và EU tăng nhanh trong những năm gần đây, từ 2 tỷ USD năm 1996 lên đến 6,33 tỷ năm 2003, 7,47 tỷ USD năm 2004. và 11,5 tỷ EUR năm 2009, trong đó Việt Nam liên tục xuất siêu từ 1,45 tỷ năm 1999, 2,45 tỷ USD năm 2004. 5,2 tỷ EUR năm 2008. đưa EU trở thành bạn hàng số 1 của Việt Nam. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều tăng nhanh từ 1.5 tỷ USD năm 1995 lên 15,2 tỷ USD năm 2009 (tốc độ tăng trung bình 20-25%/năm)

2/ Trong số các nước thành viên EU là khách hàng nhập khẩu của Việt Nam năm 2004, thì: Đức nhập 1,1 tỷ USD, Anh 990 triệu USD, Pháp 525 triệu USD, Hà Lan 560 triệu USD, Bỉ 517 triệu USD và Italia 360 triệu USD...

3/ Trong số các mặt hàng chủ yếu của Việt Nam xuất khẩu sang EU trong những năm gần đây: Giày dép xếp số 1. năm 2000 là 1,039 tỷ USD, năm 2004 là 1.85 tỷ USD: Hàng dệt may đứng thứ 2, năm 2000 là 609 triệu USD, năm 2004 là 860 triệu USD: Tiếp theo là cà phê. năm 2000 là 201 triệu USD và năm 2004 là 467 triệu USD; Sau đó là sản phẩm gỗ. năm 2004 là 306 triệu USD; Hải sản năm 2004 là 235 triệu USD; Mỹ nghệ năm 2004 xuất 180 triệu USD². Việt Nam:

nhập khẩu từ EU máy móc thiết bị, sản phẩm tân dược, nguyên phụ liệu cho dệt may và giày da, sắt thép, phân bón...

4/ EU đã dành cho Việt Nam qui chế tối huệ quốc và cơ chế GSP (ưu đãi thương mại dành cho các nước đang phát triển).

Về đầu tư: Đến hết năm 2009, đã có 21/27 nước thành viên EU đầu tư vào Việt Nam: 947 dự án với tổng số vốn đăng ký khoảng 13,3 tỷ USD, tỷ lệ giải ngân khá cao (khoảng 60% gấp hơn 3 lần mức trung bình là 18%). Hầu hết các tập đoàn lớn của EU như Shell, Total, Siemens, Alcatel đã có mặt tại Việt Nam, có nhiều dự án quy mô lớn lên đến vài trăm triệu USD. Đầu tư của EU tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp là những ngành đòi hỏi vốn lớn, công nghệ hiện đại, có đội ngũ cán bộ, công nhân giỏi về nghiệp vụ và kỹ thuật. Doanh nghiệp EU thể hiện rõ về sự vượt trội khi đầu tư vào các ngành công nghiệp nặng có quy mô vốn đăng ký gấp 2,8 lần so với các dự án khác. Ngoài ra EU còn tập trung đầu tư vào các ngành có thế mạnh của họ mà Việt Nam rất cần như: công nghiệp chế tạo, dịch vụ tài chính ngân hàng, kỹ thuật cao... Tuy vậy, do môi trường đầu tư ở Việt Nam chưa hấp dẫn, tính ổn định về cơ chế cũng như thủ tục hành chính và chi phí đầu tư cao so với mặt bằng khu vực nên đang tạo ra những thách thức đáng kể trong việc thu hút FDI của EU vào Việt Nam. Mặt khác, về khách quan mà nhận xét, các nước EU đang dành ưu tiên cao cho

² Đề án tổng thể Quan hệ Việt Nam - Liên minh Châu Âu của Chính phủ, trang 7.

các nước, khu vực mà họ có quan hệ truyền thống như Đông Âu, châu Phi, nên con số 13,3 tỷ USD đăng ký đầu tư vào Việt Nam chưa phản ánh hết vốn đầu tư đầy tiềm năng của EU.

Điểm sáng dễ nhận thấy trong quan hệ hợp tác giữa EU và Việt Nam trong nhiều năm gần đây là EU đang là nhà viện trợ không hoàn lại (ODA) lớn nhất cho Việt Nam. ODA của EU được thực hiện thông qua các kế hoạch chiến lược hợp tác song phương (CSP) giai đoạn 1996 - 2000, 2001 - 2006. Tổng vốn ODA cam kết giai đoạn 1996-2009 là 10 tỷ USD (giải ngân khoảng 5 tỷ). ODA của EU tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam như: phát triển nông thôn nhằm giảm khoảng cách giàu - nghèo; tập trung vào vùng sâu, vùng xa, miền núi; phát triển nguồn nhân lực; phát triển y tế, giáo dục; hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, quản lý chất lượng, sở hữu trí tuệ; hỗ trợ cải cách hành chính, tư pháp, ngân hàng, tài chính và hội nhập kinh tế quốc tế. Hiện nay, EU đang tiến hành nghiên cứu khả thi và hoàn thiện Hiệp định Tài chính cho các dự án thuộc giai đoạn 2005 - 2006 gồm: hỗ trợ giáo dục, đào tạo, y tế; hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân; phát triển nông thôn Tây Nguyên; hỗ trợ chính sách thương mại đa biên (giai đoạn mở rộng); hỗ trợ thể chế và qui hoạch đô thị tại Việt Nam... Các chương trình hợp tác phát triển của EU dành cho Việt Nam đang ngày càng phát huy có hiệu quả. Các chương trình hợp

tác mới ngày càng đi vào chiều sâu, giúp Việt Nam thúc đẩy cải cách toàn diện và phát triển bền vững, góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và giúp Việt Nam sớm đạt được nhiều chỉ tiêu trong các mục tiêu phát triển thiên nhiên kỷ (MDGs). Với việc EU mở rộng lên 25 thành viên 2004, 2007 là 27 thành viên, cơ hội và triển vọng hợp tác hai bên sẽ phát triển cao hơn, bởi nhiều thành viên mới của EU cũng đang là những đối tác truyền thống, rất quan trọng của Việt Nam.

III. Những tồn tại và các giải pháp cấp bách hiện nay

1. Tồn tại

Quan hệ Việt Nam - EU sau 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và sau 15 năm ký kết Hiệp định Hợp tác đã có những tiến bộ rõ rệt, đặc biệt là về chính trị, kinh tế, thương mại, song xét về tiềm năng vẫn còn những điểm bất cập, cần phải được xem xét, khắc phục kịp thời.

Về phía EU

1. EU vẫn được thế giới xem như là một "pháo đài", bởi họ chủ yếu tập trung phát triển trong nội khối. Đặc biệt sau khi kết nạp thêm 12 thành viên mới, họ càng tập trung vào các thành viên còn chậm phát triển này, mà ít chú ý đến bên ngoài.

2. Thị trường truyền thống của EU tập trung ở châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và Địa Trung Hải, với châu Á nói chung và Việt

Nam nói riêng, chính sách thương mại và đầu tư mới của EU đang trong quá trình hình thành, nên họ vừa khai thác, vừa hoàn thiện. Và mặc dù vẫn dành cho Việt Nam những thiện cảm, song EU chưa quan tâm đến Việt Nam như đối với Trung Quốc và các đối tác khác ở châu Á. Việt Nam vẫn chưa được công nhận là nước có nền kinh tế thị trường. Đặc biệt EU luôn thực thi các hàng rào kỹ thuật phi thuế quan trong thương mại đối với các nước chậm phát triển, trong đó có Việt Nam, điều đó đã gây trở ngại rất lớn trong việc xuất khẩu hàng hoá vào EU.

3. Tuy không phải là trở ngại lớn, nhưng giữa một số thành viên trong EU và Việt Nam vẫn còn tồn tại một số khác biệt trong vấn đề "dân chủ" "nhân quyền", điều đó ít nhiều đã gây trở ngại trong quan hệ chính trị và hợp tác kinh tế hai bên.

Về phía Việt Nam

1. Môi trường đầu tư và kinh doanh của Việt Nam vẫn chưa hấp dẫn đối với các doanh nghiệp EU. Sự thiếu đồng bộ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; trong thực hành pháp luật cùng với sự thiếu minh bạch trong hoạt động tài chính, ngân hàng; thủ tục hành chính phiền hà, rắc rối; nạn tham nhũng hối lộ trong bộ máy chính quyền của chúng ta đã cản trở lớn đến quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với EU.

2. Các bộ, ngành, địa phương tự phát trong chỉ đạo, điều hành, không tạo được sức

mạnh tổng hợp, không chủ động phát huy các ý tưởng, sáng kiến mới thúc đẩy có hiệu quả quan hệ Việt Nam - EU.

2. Giải pháp

Do nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hợp tác toàn diện với EU trong tương lai, mới đây chính phủ Việt Nam đã xây dựng Đề án tổng thể Phát triển quan hệ Việt Nam - EU nhằm xây dựng "quan hệ đối tác bình đẳng, hợp tác toàn diện, lâu dài giữa Việt Nam và EU đến năm 2010 và định hướng tới năm 2015". Các bộ, ngành, địa phương đã đẩy mạnh triển khai các công việc, đề ra các giải pháp cho từng vấn đề, có thể khái quát như sau:

a. Về chính trị

Việt Nam phải xây dựng một chiến lược tổng thể nhằm tăng cường, đẩy mạnh hợp tác toàn diện với EU, xác định EU là đối tác quan trọng bậc nhất, hướng đến sự hợp tác lâu dài, bền vững. Trước mắt phải xây dựng đề án về quan hệ chính trị và chương trình các chuyến thăm, các cuộc tiếp xúc của lãnh đạo cấp cao cả hai bên Việt Nam và EU nhằm tăng cường đối thoại chính trị, hiểu biết lẫn nhau, đề ra phương hướng và chủ trương mới nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện, lâu dài, hữu nghị và hiệu quả giữa hai bên. Tiến hành đối thoại thẳng thắn, cởi mở với EU và các nước thành viên về các vấn đề hai bên cùng quan tâm, kể cả những vấn đề như: cải cách thể chế, quản lý nhà nước, nhân quyền, dân chủ, tôn giáo, dân tộc v.v... Việt Nam khuyến khích và là cầu nối

cho EU tham gia các tổ chức quốc tế khu vực như Hội nghị cấp cao Đông Á...

b. Kinh tế

Mở rộng quan hệ kinh tế giữa hai bên trên cơ sở cùng có lợi, cùng phát triển, làm cơ sở cho sự hợp tác lâu dài, bền vững, hiệu quả. Cụ thể là:

- rà soát lại các văn bản pháp lý mà hai bên đã ký kết, sửa đổi, bổ sung, nâng cao, xây dựng mới cho phù hợp với điều kiện, tình hình mới của cả hai bên. Trước mắt chuẩn bị ký kết Hiệp định Hợp tác và Đối tác (PCA) trong vòng một năm tới, chuẩn bị đàm phán và ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) Việt Nam – EU trong vòng hai năm tới.

- Phổ biến rộng rãi về thị trường của nhau bao gồm việc xây dựng các trang Web giới thiệu rộng rãi thị trường hai bên cho các doanh nghiệp hai bên, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thành lập các văn phòng, triển lãm, hội chợ, khảo sát thị trường lẫn nhau, không ngừng thúc đẩy buôn bán hai chiều.

- Tranh thủ EU duy trì cơ chế GPS (hệ thống ưu đãi phổ cập) đối với Việt Nam với tư cách là một nước đang phát triển. Phía EU cần nhanh chóng thừa nhận nền kinh tế Việt Nam là "nền kinh tế thị trường", bãi bỏ các rào cản kỹ thuật nhằm bảo hộ mậu dịch có lợi cho các nước EU, cụ thể EU cần phải bãi bỏ việc áp mức thuế chống bán phá giá 10% đối với giày mũ da Việt Nam.

- Tập trung xuất khẩu vào thị trường EU các mặt hàng nông sản, khoáng sản, hàng

tiêu dùng sử dụng nhiều lao động (hàng may mặc, giày dép, thủy sản, cà phê, đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ...) với chất lượng, mẫu mã, tiêu chuẩn vệ sinh phù hợp với đòi hỏi cao của người tiêu dùng châu Âu. Không ngừng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, từng bước xây dựng thương hiệu Việt Nam, coi trọng mở rộng quan hệ thương mại dịch vụ, nâng xuất khẩu sang EU đến năm 2015 lên gần 20 tỷ USD, trong đó xuất siêu khoảng 5 tỷ USD. Chú ý nhập khẩu những công nghệ tiên tiến gắn với việc chuyển giao công nghệ, bí quyết kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Về mặt hàng xuất khẩu chủ lực, Bộ Công Thương và các hiệp hội ngành hàng cần xây dựng kế hoạch sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng chủ lực sang thị trường EU. từ đó có kế hoạch xây dựng và phát triển sản xuất những mặt hàng chủ lực đó.

- Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút FDI từ các doanh nghiệp, đặc biệt ở các công ty đa quốc gia hàng đầu của các nước thành viên EU vào những ngành như công nghiệp chế tạo, công nghệ cao như tin học, viễn thông, sinh học, năng lượng, xây dựng kết cấu hạ tầng, giao thông, vận tải, du lịch và dịch vụ... Tiến hành xúc tiến đàm phán để ký kết các hiệp định bảo hộ đầu tư với các thành viên EU, phấn đấu đưa tổng vốn FDI thu hút từ EU vào Việt Nam đến năm 2015 gấp 1,5 đến 2 lần năm 2010.

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA) từ EU và các nước thành viên trong EU và các tổ chức phi chính phủ (NGO) vào các mục tiêu chủ yếu của Việt Nam như: xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, cải thiện kết cấu hạ tầng, cải cách hành chính, quản lý nhà nước, xây dựng thể chế kinh tế, hỗ trợ phát triển giai đoạn sau khi Việt Nam gia nhập WTO nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm, đào tạo nghề, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, giải quyết các vấn đề xã hội...

- Xây dựng các đề cương hợp tác phát triển với EU ở những ngành khác như: công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, khoa học giáo dục, văn hoá thông tin, y tế sức khoẻ, sở hữu trí tuệ, tài nguyên môi trường, quân sự quốc phòng, an ninh, v.v...

- Kiện toàn các chương trình hợp tác và xây dựng các hiệp định đối tác hợp tác toàn diện (PCA) với những quốc gia chủ chốt và các vùng lãnh thổ của EU như: Pháp, Đức, Italia, Bắc Âu, Nam Âu và Đông Âu...

Tài liệu tham khảo

1. Phùng Thị Vân Kiều: *Các giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường EU*. Đề tài cấp Bộ, Hà Nội, 2004.

2. Nguyễn Quang Thuần (cb): *Quan hệ kinh tế Việt Nam – Liên minh Châu Âu: thực trạng và triển vọng*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.

3. Bùi Huy Khoát (cb): *Thúc đẩy Quan hệ thương mại – đầu tư giữa Liên hiệp Châu Âu và Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.

4. Ministry of Foreign Affairs – EU.

5. Đinh Công Tuấn: *Một số vấn đề kinh tế, chính trị nổi bật của Liên minh Châu Âu giai đoạn 2001-2010 và tác động đến Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ, Viện KHXH Việt Nam, Hà Nội, 2010.

6. Nguyễn Quang Thuần, Bùi Nhật Quang: *Giáo trình quan hệ kinh tế quốc tế của Liên minh Châu Âu*. Nxb Đại học TP. Hồ Chí Minh, 2009.

7. Quyết định về *Đề án tổng thể quan hệ Việt Nam – Liên minh Châu Âu và chương trình hành động của Chính phủ về phát triển quan hệ Việt Nam – Liên minh Châu Âu đến 2010 và định hướng tới 2015*.

8. Bùi Thanh Sơn: *Triển vọng quan hệ Việt Nam – EU giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn tới 2020*. Hội thảo quốc tế “Triển vọng quan hệ hợp tác Việt Nam – EU giai đoạn 2011 - 2020”, Văn phòng Chính phủ, Hà Nội, 16/11/2010.